

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 20/02/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn

Bà Ngô Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03/01/2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Toà án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm 1993. Có mặt

Nơi ĐKKHTT: làng T, xã V, huyện N, tỉnh T.

Cư trú tại: làng P, xã N, huyện N, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Lê Văn L - Sinh năm 1992. Có mặt.

Cư trú tại: làng T, xã V, huyện N, tỉnh T.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong khởi kiện ngày 09/8/2018 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L kết hôn với nhau ngày 26/02/2012, việc kết hôn là do chị và anh L tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được thời gian khoảng 05 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L có hành vi bạo lực, đánh đập chị nhiều lần. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung cháu Lê Thị Diệu N - sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Đức L – sinh ngày 20/3/2015. Ly hôn, chị xin được nuôi 02 con và chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu được nuôi 01 cháu thì chị xin nuôi cháu N. Hiện chị làm công nhân có thu nhập mỗi tháng 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh có gọi chị L về nhưng chị L không về, nên đã có lần anh tát chị L mấy cái. Nay chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Anh đề nghị Tòa án hòa giải, để vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nếu chị L cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

- Về con chung: Anh thống nhất như ý kiến của chị L. Ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 cháu và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm nghề lao động tự do với mức thu nhập 4.000.000đ đến 5.000.000đ.

- Về tài sản: Anh thống nhất như ý kiến của chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Cháu Lê Thị Diệu N – sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Đức L – sinh ngày 20/3/2015 là con chung của anh Lê Văn L, chị Lê Thị L. Giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh L, chị L có quyền thăm nom con chung và không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 22/11/2018, anh Lê Văn L làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giao cháu Lê Thị Diệu N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh L cho rằng từ khi ly hôn đến nay chị L không đến thăm con, không có trách nhiệm khi con ốm đau, thu nhập của chị L không đủ để nuôi con, anh đề nghị được nuôi hai con vì hiện tại anh thu nhập khoảng 9.000.000-10.000.000đ/tháng.

Chị L cho rằng từ khi ly thân vì bị anh L đánh, chị về nhà bố mẹ đẻ ở làng P, xã N, huyện N đẻ ở, cách nhà anh L hơn 10km nên con ốm chị không biết, và anh L cũng không báo cho chị, khi biết thì chị cũng có lên thăm con. Chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh L, chị L có 02 con chung: Cháu Lê Thị Diệu N - sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Đức L – sinh ngày 20/3/2015. Ly hôn, nguyện vọng của chị L đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nếu được nuôi 01 cháu thì chị xin nuôi cháu N; anh L xin nuôi 02 cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng của anh L, chị L hoàn toàn chính đáng, nhưng việc giao con cho ai nuôi

phải dựa trên quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt các cháu. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa thì thấy rằng: Hiện nay anh L, chị L đều làm nghề lao động tự do, hai cháu đang còn nhỏ nên việc giao cả 02 cháu cho anh L nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được về điều kiện vật chất cho các cháu. Anh L kháng cáo cho rằng chị L thường xuyên bỏ con và không có trách nhiệm chăm sóc con khi cháu ốm đau, anh xuất trình giấy vào viện điều trị viêm họng của cháu N vào khám tại Bệnh viện đa khoa N ngày 13/11/2018, ra viện ngày 20/11/2018, nhưng không có căn cứ chị L không quan tâm chăm sóc con và cũng không có khả năng nuôi con. Thực tế, với mức thu nhập của anh L hiện nay nếu nuôi cả hai cháu sẽ không đảm bảo, hơn nữa cháu N lại là con gái nên cần sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ để cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tâm sinh lý. Như vậy, việc giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của các cháu. Kháng cáo của anh L không có căn cứ nên không được chấp nhận, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ.

[2] Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. điểm c khoản 1 Điều 24; khoản 2.1 mục 2 phần I Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T.

- Giao cháu Lê Thị Diệu N, sinh ngày 22/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lê Đức L – sinh ngày 20/3/2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh L, chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/2245 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (anh Lê Văn L đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Quyết định của bản án sơ thẩm về hôn nhân không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng